

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 9 - 2023

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Nhiên và bà Phạm Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12/7/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Vũ Thị Xuân **H**, sinh năm 1969

Nơi ĐKKHKT: tổ 07, phường Đồng Tiến, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở hiện nay: tổ 15, phường Đồng Tiến, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Tiến **Th**, sinh năm 1970

Nơi ĐKKHKT: tổ 07, phường Đồng Tiến, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở hiện nay: tổ 08, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị Xuân **H** trình bày:*

Bà **H** và ông Nguyễn Tiến **Th** kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng bình thường cho đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do kinh tế bất ổn, tình cảm vợ chồng không còn vì ông **Th** không chung thủy. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không còn bà **H** xin được ly hôn. Về con chung: có 02 con là Nguyễn Xuân **T**, sinh năm 1992 và Nguyễn Hà **Th1**, sinh năm 2003. Hiện các con đã

trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

2. *Tại biên bản lấy lời khai và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Tiến **Th** trình bày:*

Xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn như bà **H** khai là đúng. Quá trình chung sống thì vợ chồng vẫn hạnh phúc. Và do có một số bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế mà từ năm 2010 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Theo quan điểm của ông **Th** thì mâu thuẫn vợ chồng chưa có gì là quá đáng, có thể hòa giải được với nhau vì về phía ông **Th** vẫn còn tình cảm và tôn trọng bà **H** nên ông **Th** không đồng ý ly hôn. Về con chung: có 02 con là Nguyễn Xuân **T**, sinh năm 1992 và Nguyễn Hà **Th1**, sinh năm 2003. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

3. *Lời khai người làm chứng:*

3.1. Ý kiến của ông Nguyễn Văn **T1** và bà Đào Thị **Ng** (Là bố mẹ đẻ ông Nguyễn Tiến **Th**) cho biết: Về mâu thuẫn giữa ông **Th** và bà **H** như thế nào ông bà không rõ. Hiện ông **Th** đang sinh sống cùng gia đình tại tổ 08, phường Tân Hòa còn bà **H** sống cùng mẹ đẻ ở phường Đồng Tiến. Hai vợ chồng đã sống ly thân gần 20 năm.

3.2. Ý kiến của anh Nguyễn Xuân **T** (Là con đẻ bà **H**, ông **Th**) cho biết: Về mâu thuẫn vợ chồng ông **Th** bà **H** nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, hiện ông **Th** bà **H** đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, mỗi người một nơi.

3.3. Ý kiến của đại diện tổ dân phố số 08, phường Tân Hòa xác nhận hiện ông Nguyễn Tiến **Th** hiện đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ dân phố nhiều năm nay. Bà Vũ Thị Xuân **H** là vợ ông Thắng không chung sống cùng gia đình từ nhiều năm nay.

Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định và hòa giải cho hai bên đương sự nhưng không thành, do đó vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của bà **H** vẫn kiên quyết xin được ly hôn.

Ý kiến của ông **Th** xin đoàn tụ vì cháu Nguyễn Hà **Th1** chưa xây dựng gia đình.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Vũ Thị Xuân **H** được ly hôn ông Nguyễn Tiến **Th**. Về con chung: có 02 con chung hiện đã trưởng thành, không đề nghị Tòa giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Bà Vũ Thị Xuân **H** có đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn là Nguyễn Tiến **Th**, có nơi cư trú tại: tổ 08, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Xuân **H** và ông Nguyễn Tiến **Th** có đăng ký kết hôn ngày 06/01/1992 tại UBND phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

Đánh giá về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua lời khai của các đương sự đã thể hiện cuộc sống vợ chồng bà **H** và ông **Th** có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, không thống nhất về kinh tế. Từ năm 2010 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Điều này đã chứng minh tình cảm vợ chồng ông **Th** bà **H** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Xuân **H**.

2.2. Về con chung: có 02 con là Nguyễn Xuân **T**, sinh năm 1992 và Nguyễn Hà **Th1**, sinh năm 2003. Hiện các con đã trưởng thành nên các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị Xuân **H** được ly hôn ông Nguyễn Tiến **Th**.

2. Về con chung: có 02 con là Nguyễn Xuân **T**, sinh năm 1992 và Nguyễn Hà **Th1**, sinh năm 2003. Hiện các con đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị Xuân **H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nay được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thành phố Hòa Bình, theo biên lai thu số: 0005004, ngày 12/7/2023. Xác nhận bà **H** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo với thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TP Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- UBND phường Đồng Tiến, TPHB;
- Chi cục THADS TPHB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Trường Sơn

